

Số: 105/2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 61/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2026.
- Trường hợp các quy định được dẫn chiếu tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các quy định mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP Đà Nẵng;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND TP;
- Các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu số lượng người làm việc;
- Công báo thành phố;
- Báo và PTTH Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

150/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

~~CHỦ TỊCH~~
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~



Hồ Kỳ Minh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /2026/QĐ-UBND

ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định cụ thể tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

b) Quy định cụ thể tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo Quy định của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị thành phố Đà Nẵng.

c) Quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời điểm, hồ sơ, trách nhiệm theo dõi, tham mưu đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc UBND thành phố quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý, bao gồm:

Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Ủy ban nhân dân cấp xã;

Phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về trình tự, thủ tục trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Yêu cầu

a) Việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá theo quy định của Chính phủ.

b) Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý phải tuân thủ nguyên tắc, khung tiêu chí, phương pháp, thẩm quyền, quy trình, thủ tục đánh giá theo quy định của Trung ương và của Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố* gồm cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp thành phố Đà Nẵng; Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai; Cơ quan điều hành Trung tâm Tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng.

2. *Ủy ban nhân dân cấp xã* gồm Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. *Phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố* gồm phòng chuyên môn, chi cục, ban và tổ chức hành chính khác thuộc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

4. *Phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã* gồm phòng chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương II

TIÊU CHÍ CỤ THỂ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG

Điều 4. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý

1. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng và cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá đối với sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tại Phụ lục I.

2. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng và cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá đối với Ủy ban nhân dân cấp xã tại Phụ lục II.

3. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (có giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức) tại Phụ lục III.

4. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (không giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức) tại Phụ lục IV.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo Phụ lục V kèm theo Quy định này.

Điều 6. Phương pháp chấm điểm

1. Việc chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần phải căn cứ vào kết quả thực tế đạt được của các cơ quan, tổ chức được đánh giá, xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần.

2. Việc chấm điểm phải kèm theo tài liệu kiểm chứng để chứng minh kết quả đạt được. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu thì cơ quan, tổ chức giải trình cụ thể các nội dung tự đánh giá, chấm điểm.

3. Đối với các tiêu chí đánh giá nội dung không thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; hoặc không phát sinh nhiệm vụ trong năm; hoặc không thể thực hiện do yếu tố khách quan và được cấp có thẩm quyền cho phép gia hạn sang năm sau hoặc dừng thực hiện bằng văn bản thì không chấm điểm. Số điểm

của cơ quan, đơn vị sẽ được quy đổi về thang điểm 100 theo công thức: Điểm quy đổi = (Tổng điểm thực đạt / Tổng điểm tối đa của các tiêu chí có phát sinh) x 100.

Điều 7. Mức xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước

Mức xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên, đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; trong đó có ít nhất 30% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu;

b) Không có đơn vị cấp dưới trực tiếp (nếu có) bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

c) Đã khắc phục toàn bộ hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra từ kỳ đánh giá trước hoặc từ kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70 đến dưới 90 điểm, đồng thời hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 đến dưới 70 điểm, đồng thời hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao, số nhiệm vụ chưa bảo đảm tiến độ không vượt quá 20%.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Có tổng điểm đánh giá dưới 50 điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị cấp có thẩm quyền kết luận có sai phạm trong công tác cán bộ, mất đoàn kết nội bộ, bè phái, chạy chức, chạy quyền.

b) Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ mà có lý do bất khả kháng thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh, tính chất nhiệm vụ, kết quả thực hiện; hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại, bảo đảm khách quan, toàn diện, thận trọng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo phân cấp.

5. Tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tổ chức

a) Tỷ lệ tổ chức được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% trong tổng số tổ chức được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”

trong phạm vi quản lý của cấp có thẩm quyền công nhận đánh giá, xếp loại chất lượng.

b) Trường hợp tổ chức có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì cấp có thẩm quyền quyết định tỷ lệ tổ chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao hơn quy định tại điểm a khoản này nhưng không vượt quá 25% tổng số tổ chức được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Điều 8. Mức xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Mức xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG

Điều 9. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Người đứng đầu sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá, xếp loại đối với tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý

Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức triển khai công tác tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức mình, gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại chất lượng về cơ quan, đơn vị tham mưu công tác tổ chức cán bộ cùng cấp.

2. Thẩm định kết quả tự đánh giá

a) Cơ quan, đơn vị tham mưu công tác tổ chức cán bộ trình cấp có thẩm quyền công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng thành lập Tổ thẩm định để tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cụ thể như sau:

- Thành phần Tổ thẩm định: Người đứng đầu hoặc cấp phó người đứng đầu cơ quan, đơn vị tham mưu công tác tổ chức cán bộ làm Tổ trưởng; các thành viên là công chức các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng.

- Tổ thẩm định hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

b) Trình tự thẩm định được thực hiện như sau:

- Cơ quan, đơn vị tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp, gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức được đánh giá đến các thành viên Tổ thẩm định để thực hiện nhiệm vụ thẩm định; đồng thời gửi các cơ quan liên quan để cho ý kiến về kết quả tự đánh giá.

- Tổ thẩm định tổng hợp, gửi dự thảo kết quả chấm điểm đến các cơ quan, tổ chức được đánh giá để giải trình, bổ sung (nếu có).

- Tổ thẩm định tổng hợp ý kiến giải trình, bổ sung và điều chỉnh kết quả thẩm định (nếu thông tin giải trình chính xác).

- Trên cơ sở kết quả thẩm định, cơ quan, đơn vị tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình người có thẩm quyền công nhận xếp loại chất lượng.

3. Quyết định công nhận xếp loại chất lượng

Trên cơ sở kết quả thẩm định và đề xuất, người có thẩm quyền quyết định mức xếp loại chính thức và ban hành quyết định công nhận xếp loại chất lượng.

Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh tiêu cực hoặc dấu hiệu mất đoàn kết nội bộ thì người có thẩm quyền công nhận xếp loại chất lượng chỉ đạo kiểm tra, xác minh trước khi quyết định xếp loại.

Điều 11. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 12. Thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và tập thể lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo năm công tác.

2. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thì hoàn thành trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

3. Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý hoàn thành trước trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại chất lượng

1. Hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước

a) Báo cáo tự đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức kèm theo Bảng chấm điểm theo bộ tiêu chí tương ứng.

b) Tài liệu kiểm chứng liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị (trong đó nêu rõ đề xuất mức xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý);

b) Báo cáo kiểm điểm của tập thể lãnh đạo, quản lý kèm theo Bảng chấm điểm theo bộ tiêu chí tương ứng;

c) Biên bản cuộc họp/hội nghị kiểm điểm của tập thể lãnh đạo, quản lý trong đó nêu rõ kết luận thống nhất của tập thể lãnh đạo, quản lý về đề xuất mức độ xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý;

d) Văn bản gợi ý kiểm điểm (nếu có).

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng đối với sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

Điều 15. Trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

1. Thực hiện công tác theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; tập thể lãnh đạo, quản lý sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tại các tiêu chí, tiêu chí thành phần được giao theo dõi, thẩm định.

2. Giao nhiệm vụ theo dõi, thẩm định và thực hiện trình tự, thủ tục công nhận kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Thực hiện công tác tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng của cơ quan và tập thể lãnh đạo, quản lý cơ quan theo quy định và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Điều 16. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Giao nhiệm vụ theo dõi, thẩm định và thực hiện trình tự, thủ tục công nhận kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng đối với phòng và tương đương thuộc phạm vi quản lý.

2. Thực hiện công tác tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng của cơ quan mình theo quy định và hướng dẫn của Sở Nội vụ./.



Phụ lục I

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
A	TIÊU CHÍ CHUNG	30	
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	11	
1.1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2	Văn phòng UBND thành phố
	<i>- Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: 02 điểm. - Mỗi lượt văn bản kết luận, phê bình của UBND thành phố, Lãnh đạo UBND thành phố hoặc của cơ quan có thẩm quyền về việc thực hiện chưa đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 01 điểm. - Có văn bản kết luận của UBND thành phố, Lãnh đạo UBND thành phố hoặc của cơ quan có thẩm quyền về việc chưa thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng: 0 điểm.</i>		
1.2	Thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố	3	Văn phòng UBND thành phố
	<i>- Thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND thành phố: 03 điểm. - Mỗi nội dung, nhiệm vụ chậm tiến độ để UBND, Chủ tịch UBND thành phố ban hành văn bản đôn đốc: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Có văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền về việc chưa thực hiện kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên hoặc để xảy ra hậu quả nghiêm trọng do không chấp hành chỉ đạo, điều hành của cấp trên: 0 điểm.</i>		
1.3	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương	3	Sở Nội vụ
1.3.1	Xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển ngành giai đoạn và hằng năm, kế hoạch/chương trình công tác năm	1.5	
1.3.1.1	Ban hành đầy đủ, đúng thời hạn	0.5	
1.3.1.2	Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của cấp trên thành các chỉ tiêu định lượng, có lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm rõ ràng	1	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
1.3.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển ngành giai đoạn và hằng năm, kế hoạch/chương trình công tác năm	1.5	
1.3.2.1	Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc (<i>định kỳ mỗi quý có ít nhất 01 văn bản chỉ đạo, đôn đốc hoặc thông báo kết luận kiểm tra việc thực hiện</i>)	1	
1.3.2.2	Ứng dụng CNTT trong theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu	0.5	
1.4	Năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường	3	
1.4.1	Chủ động đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành các cơ chế, mô hình thí điểm và chính sách đột phá, đón đầu xu hướng phát triển	2	Sở Tư pháp
1.4.2	Có giải pháp, biện pháp ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động cơ quan, tổ chức mang lại hiệu quả cụ thể	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.	10	
2.1	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm	3	Sở Nội vụ
2.1.1	Kịp thời trình phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm công chức theo quy định	1	
2.1.2	Bố trí công chức thuộc phạm vi quản lý vào vị trí việc làm theo đúng tỷ lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1	
2.1.3	100% công chức thuộc phạm vi quản lý được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (nếu chưa có kết quả xếp hạng năm đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề)	1	
2.2	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực	2	
2.2.1	100% công chức được tham gia ít nhất 01 khóa đào tạo/bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số hoặc kỹ năng mềm trong năm	1	Sở Nội vụ
2.2.2	Thực hiện đầy đủ quy định về công khai thông tin, những nội dung công chức được bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và những quy định liên quan	1	Sở Nội vụ
2.3	Hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ	2	Sở Nội vụ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- Nội bộ đoàn kết, thống nhất, phối hợp hiệu quả trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ: 03 điểm. - Mỗi vụ việc phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo nội bộ đã cơ quan có thẩm quyền xác minh: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm. - Có văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền về việc mất đoàn kết nội bộ: 0 điểm.		
2.4	Mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức	3	Sở Nội vụ
	- 100% công chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và có tinh thần phục vụ tốt: 03 điểm. - Mỗi lượt công chức bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc mỗi lượt công chức bị phản ánh về tinh thần phục vụ đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận/xác minh là đúng: trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Có công chức bị kỷ luật ở mức cách chức, buộc thôi việc; hoặc có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc vụ việc vi phạm được cơ quan có thẩm quyền kết luận là gây hậu quả nghiêm trọng: 0 điểm.		
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	9	
3.1	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	3	Sở Nội vụ
	Sử dụng kết quả xếp hạng cải cách hành chính để chấm điểm (nếu chưa có kết quả xếp hạng năm đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề), cụ thể: - Nhóm Xuất sắc: 03 điểm. - Nhóm Tốt: 02 điểm. - Nhóm Khá: 1.5 điểm. - Nhóm Trung bình Khá: 01 điểm. - Nhóm Trung bình: 0.5 điểm. - Nhóm Yếu: 0 điểm. Đối với các cơ quan không thuộc diện theo dõi, xếp hạng cải cách hành chính hoặc mới thành lập thì tự chấm điểm theo các mức điểm nêu trên; cơ quan có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của từng tổ chức để công nhận hoặc điều chỉnh.		
3.2	Mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực	3	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
3.2.1	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy chế làm việc, văn bản phân công nhiệm vụ lãnh đạo cơ quan khi có sự thay đổi về căn cứ pháp lý, nhân sự, yêu cầu nhiệm vụ quản lý điều hành tại cơ quan	1	Sở Nội vụ
3.2.2	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời quy trình nội bộ giải quyết TTHC khi có sự thay đổi về quy định TTHC của cơ quan có thẩm quyền	1	Văn phòng UBND thành phố
3.2.3	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến kịp thời Hệ thống quản lý chất lượng khi phát sinh điểm không phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia	1	Sở Khoa học và Công nghệ
3.3	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	3	- Thanh tra thành phố; - Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố (nếu cần thiết)
	- Khắc phục đầy đủ, kịp thời những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra <u>hoặc</u> không có tồn tại, hạn chế qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán: 03 điểm. - Mỗi tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục trừ: 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Không tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc đã tổ chức thực hiện nhưng không có kết quả: 0 điểm.		
	Ghi chú: - Chỉ áp dụng đánh giá đối với các tồn tại, hạn chế yêu cầu thời hạn khắc phục nằm trong năm đánh giá (gồm tồn tại, hạn chế chưa khắc phục của năm trước chuyển sang và tồn tại, hạn chế phát sinh và phải khắc phục trong năm đánh giá). - Đối với các tồn tại, hạn chế tại các thông báo, kết luận ban hành trong năm đánh giá nhưng chưa hết thời hạn thực hiện sẽ chuyển sang theo dõi, chấm điểm vào kỳ đánh giá của năm kế tiếp.		
B	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70	
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật	8	Sở Tư pháp
1.1	Mức độ kịp thời trong công tác tham mưu HĐND thành phố, UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- 100% văn bản được ban hành đúng thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: 03 điểm. - Mỗi văn bản ban hành chậm so với thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Chậm tham mưu ban hành văn bản thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tính chất trọng tâm: 0 điểm (việc xác định tính chất trọng tâm căn cứ trên danh mục nhiệm vụ trọng tâm được giao tại chương trình công tác năm hoặc các văn bản chỉ đạo trực tiếp của cấp có thẩm quyền)		
1.2	Chất lượng công tác tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3	
	- Không có văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đình chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: 03 điểm. - Mỗi văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đình chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1,5 điểm.		
1.3	Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục trong công tác tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2	
	- 100% văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định: 02 điểm. - Mỗi lượt hồ sơ trình bị trả lại do chưa thực đúng trình tự, thủ tục hoặc mỗi lượt chỉ ra của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra về việc chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm		
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	25	Văn phòng UBND thành phố
2.1	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ trong Chương trình công tác của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố	15	
2.1.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	10	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.		
2.1.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao trong chương trình công tác năm	5	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.		
2.2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ do UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao phát sinh trong năm	10	
2.2.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ giao phát sinh trong năm. b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả		
2.2.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm	3	
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	8	
3.1	Kết quả hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu	5	Văn phòng UBND thành phố
	$a =$ Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu; $b =$ Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu đã hoàn thành; Tỷ lệ hoàn thành $= b/a$ - Tỷ lệ hoàn thành từ 70% chỉ tiêu trở lên, tính điểm theo công thức: Tỷ lệ hoàn thành * Điểm tối đa. - Tỷ lệ hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu: 0 điểm.		
	<i>Ghi chú: Mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu được đánh giá gồm toàn bộ các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, giải ngân vốn đầu tư công được UBND thành phố giao tại Quyết định đầu năm (nếu có).</i>		
3.2	Kết quả xếp loại chất lượng của đơn vị cấp dưới trực tiếp	1	Sở Nội vụ
	- 100% đơn vị được xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 01 điểm. - Có đơn vị được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng không có đơn vị nào bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0.5 điểm. - Có đơn vị bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.		
3.3	Kết quả rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách hoặc bất cập, chồng chéo của quy định pháp luật phát sinh trong quá trình quản lý trong các đợt rà soát chuyên đề theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền (mỗi đề xuất tháo gỡ được 0.5 điểm, tối đa 01 điểm)	1	Sở Tư pháp
3.4	Không có chính sách, văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận là trái pháp luật (mỗi văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là trái pháp luật: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm)	1	Sở Tư pháp
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	7	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
4.1	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan	4	Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố
4.1.1	100% văn bản đề nghị góp ý dự thảo, cung cấp thông tin, hiệp y, cho ý kiến chuyên môn được phúc đáp kịp thời, chất lượng	1	
4.1.2	100% nhiệm vụ tham gia đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành được thực hiện đầy đủ, đúng thành phần, thời gian, chất lượng	1	
4.1.3	100% báo cáo chuyên đề, báo cáo phối hợp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chủ trì được gửi đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng	1	
4.1.4	100% nhiệm vụ yêu cầu phối hợp đột xuất khác (sự cố, thiên tai, cứu nạn...) được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả	1	
4.2	Thực hiện tốt vai trò thành viên trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND, Chủ tịch UBND thành phố (Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành, Ban Chỉ huy, Ban Công tác hoặc các Tổ, Đội công tác)	2	
4.2.1	Vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, cơ quan (thành viên) thường trực	1	Sở Nội vụ
	<i>Để đạt điểm tối đa ở tiêu chí này, cơ quan cần phải thực hiện tốt vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, cơ quan (thành viên) thường trực trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (nếu có) trên các nội dung sau:</i> - Tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền Quy chế hoạt động, Kế hoạch công tác năm/giai đoạn của tổ chức; phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng thẩm quyền chuyên môn cho các thành viên; - Duy trì nghiêm chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất theo Quy chế; - Kịp thời đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên; - Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề phát sinh mang tính liên ngành, liên vùng thuộc phạm vi trách nhiệm của tổ chức.		
4.2.2	Vai trò thành viên phối hợp	1	Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	Để đạt điểm tối đa ở tiêu chí này, cơ quan cần phải thực hiện tốt vai trò thành viên phối hợp trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (nếu có) trên các nội dung sau: - Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp, đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành theo triệu tập của cấp có thẩm quyền trong tổ chức; - Chấp hành nghiêm sự phân công nhiệm vụ của tổ chức; - Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp để đóng góp vào mục tiêu chung của tổ chức; - Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng 100% các phần việc, nhiệm vụ được phân công phụ trách; - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của tổ chức.		
4.3	Có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình điều phối đã được triển khai	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	8	
5.1	Kết quả thực hiện chuyển đổi số	4	
5.1.1	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử, ký số và luân chuyển khép kín trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.	1	Sở Nội vụ
5.1.2	100% hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ điện tử theo đúng quy định (không in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy song song với hồ sơ điện tử, hồ sơ đã số hóa).	1	Sở Nội vụ
5.1.3	100% các nguồn dữ liệu chuyên ngành được chuẩn hóa, cập nhật liên tục vào hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ việc khai thác, chia sẻ mà không cần yêu cầu cung cấp bằng văn bản giấy	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5.1.4	100% nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống thông tin, hạ tầng số tại cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc, thông suốt, không để xảy ra sự gián đoạn công việc	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5.2	Kết quả đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp	2	Văn phòng UBND thành phố
	Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt tại Quyết định ban hành Phương án đơn giản hóa TTHC của thành phố (01 kiến nghị: 01 điểm, 02 kiến nghị: 1.5 điểm, từ 03 kiến nghị trở lên: 02 điểm).		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
5.3	Có sáng kiến về chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp đã áp dụng hiệu quả	2	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ
	<i>Sáng kiến chỉ được tính điểm khi đã áp dụng hiệu quả trong thực tế (01 sáng kiến: 01 điểm, 02 sáng kiến: 1.5 điểm, từ 03 sáng kiến trở lên: 02 điểm)</i>		
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	4	
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hơn bằng hoặc cao hơn năm trước liền kề	2	Văn phòng UBND thành phố
6.2	Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân đối với cơ quan đạt 100% (<i>sử dụng kết quả điều tra khảo sát của Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh thành phố</i>)	2	Sở Nội vụ
7	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có)	7	Văn phòng UBND thành phố
7.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hơn	5	
	- Từ 99% - 100%: 05 điểm. - Từ 95% - dưới 99%: 03 điểm. - Từ 85% - dưới 95%: 01 điểm. - Dưới 85%: 0 điểm.		
7.2	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến	2	
	a = Tổng số hồ sơ TTHC trong năm của cơ quan; b = Tổng số hồ sơ trực tuyến một phần; c = Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình; - Tỷ lệ = (b+c)/a - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa Không tính các TTHC không có phát sinh hồ sơ trực tiếp		
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có).	3	Thanh tra thành phố

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số đơn thư phải giải quyết b là số đơn thư đã được giải quyết.		

Phụ lục II
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~105~~ 2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
A	TIÊU CHÍ CHUNG	30	
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	11	
1.1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2	Văn phòng UBND thành phố
	- Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: 02 điểm. - Mỗi lượt văn bản kết luận, phê bình của UBND thành phố, Lãnh đạo UBND thành phố hoặc của cơ quan có thẩm quyền gửi đến về việc thực hiện chưa đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 01 điểm. - Có văn bản kết luận của UBND thành phố, Lãnh đạo UBND thành phố hoặc của cơ quan có thẩm quyền về việc chưa thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng: 0 điểm.		
1.2	Thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố	3	Văn phòng UBND thành phố
	- Thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND thành phố: 03 điểm. - Mỗi nội dung, nhiệm vụ chậm tiến độ để UBND, Chủ tịch UBND thành phố ban hành văn bản đôn đốc: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Có văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền về việc chưa thực hiện kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên hoặc để xảy ra hậu quả nghiêm trọng do không chấp hành chỉ đạo, điều hành của cấp trên: 0 điểm.		
1.3	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương	3	Sở Nội vụ
1.3.1	Xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn và hằng năm, chương trình/kế hoạch công tác năm	1.5	
1.3.1.1	Ban hành đầy đủ, đúng thời hạn	0.5	
1.3.1.2	Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của cấp trên thành các chỉ tiêu định lượng, có lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm rõ ràng	1	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
1.3.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn và hằng năm, chương trình/kế hoạch công tác năm	1.5	
1.3.2.1	Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc (<i>định kỳ mỗi quý có ít nhất 01 văn bản chỉ đạo, đôn đốc hoặc thông báo kết luận kiểm tra việc thực hiện</i>)	1	
1.3.2.2	Ứng dụng CNTT trong theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu	0.5	
1.4	Năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường	3	
1.4.1	Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành các cơ chế, mô hình thí điểm và chính sách đột phá, đón đầu xu hướng phát triển	2	Sở Tư pháp
1.4.2	Có giải pháp, biện pháp ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động cơ quan, tổ chức mang lại hiệu quả cụ thể	1	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.	10	
2.1	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm	3	Sở Nội vụ
2.1.1	Kịp thời trình phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm công chức theo quy định	1	
2.1.2	Bổ trí công chức thuộc phạm vi quản lý vào vị trí việc làm theo đúng tỷ lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1	
2.1.3	100% công chức thuộc phạm vi quản lý được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (nếu chưa có kết quả xếp hạng năm đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề)	1	
2.2	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực	2	
2.2.1	100% công chức được tham gia ít nhất 01 khóa đào tạo/bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn hoặc kỹ năng mềm trong năm	1	Sở Nội vụ
2.2.2	Thực hiện đầy đủ quy định về công khai thông tin, những nội dung công chức được bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và những quy định liên quan	1	Sở Nội vụ
2.3	Hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ	2	Sở Nội vụ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- Nội bộ đoàn kết, thống nhất, phối hợp hiệu quả trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ: 03 điểm. - Mỗi vụ việc phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo nội bộ đã cơ quan có thẩm quyền xác minh: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm. - Có văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền về việc mất đoàn kết nội bộ: 0 điểm.		
2.4	Mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức	3	Sở Nội vụ
	- 100% công chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và có tinh thần phục vụ tốt: 03 điểm. - Mỗi lượt công chức bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc mỗi lượt công chức bị phản ánh về tinh thần phục vụ đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận/xác minh là đúng: trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Có công chức bị kỷ luật ở mức cách chức, buộc thôi việc; hoặc có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc vụ việc vi phạm được cơ quan có thẩm quyền kết luận là gây hậu quả nghiêm trọng: 0 điểm.		
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	9	
3.1	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	3	Sở Nội vụ
	<i>Sử dụng kết quả xếp hạng cải cách hành chính để chấm điểm (nếu chưa có kết quả xếp hạng năm đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề), cụ thể:</i> - Nhóm Xuất sắc: 03 điểm. - Nhóm Tốt: 02 điểm. - Nhóm Khá: 1.5 điểm. - Nhóm Trung bình Khá: 01 điểm. - Nhóm Trung bình: 0.5 điểm. - Nhóm Yếu: 0 điểm.		
3.2	Mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực	3	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
3.2.1	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy chế làm việc, văn bản phân công nhiệm vụ thành viên UBND khi có sự thay đổi về căn cứ pháp lý, nhân sự, yêu cầu nhiệm vụ quản lý điều hành tại địa phương	1	Sở Nội vụ
3.2.2	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời quy trình nội bộ giải quyết TTHC khi có sự thay đổi về quy định TTHC của cơ quan có thẩm quyền	1	Văn phòng UBND thành phố
3.2.3	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến kịp thời Hệ thống quản lý chất lượng khi phát sinh điểm không phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia	1	Sở Khoa học và Công nghệ
3.3	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	3	- Thanh tra thành phố; - Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố (nếu cần thiết)
	- Khắc phục đầy đủ, kịp thời những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra <u>hoặc</u> không có tồn tại, hạn chế qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán: 03 điểm. - Mỗi tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục trừ: 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Không tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc đã tổ chức thực hiện nhưng không có kết quả: 0 điểm.		
	<u>Ghi chú :</u> - Chỉ áp dụng đánh giá đối với các tồn tại, hạn chế yêu cầu thời hạn khắc phục nằm trong năm đánh giá (gồm tồn tại, hạn chế chưa khắc phục của năm trước chuyển sang và tồn tại, hạn chế phát sinh và phải khắc phục trong năm đánh giá). - Đối với các tồn tại, hạn chế tại các thông báo, kết luận ban hành trong năm đánh giá nhưng chưa hết thời hạn thực hiện sẽ chuyển sang theo dõi, chấm điểm vào kỳ đánh giá của năm kế tiếp.		
B	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70	
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật	8	Sở Tư pháp

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
1.1	Mức độ kịp thời trong công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3	
	- 100% văn bản được ban hành đúng thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: 03 điểm. - Mỗi văn bản ban hành chậm so với thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Chậm ban hành văn bản thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tính chất trọng tâm: 0 điểm (việc xác định tính chất trọng tâm căn cứ trên danh mục nhiệm vụ trọng tâm được giao tại chương trình công tác năm hoặc các văn bản chỉ đạo trực tiếp của cấp có thẩm quyền)		
1.2	Chất lượng công tác thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3	
	- Không có văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: 03 điểm. - Mỗi văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1,5 điểm.		
1.3	Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục trong công tác thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2	
	- 100% văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định: 02 điểm. - Mỗi lượt hồ sơ trình bị trả lại do chưa thực đúng trình tự, thủ tục hoặc mỗi lượt chỉ ra của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra về việc chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm		
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	20	Văn phòng UBND thành phố
2.1	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ trong Chương trình công tác của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố	10	
2.1.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.		
2.1.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao trong chương trình công tác năm	3	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.		
2.2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ do UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao phát sinh trong năm	10	
2.2.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ giao phát sinh trong năm. b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả		
2.2.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm	3	
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	13	
3.1	Kết quả hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu	10	Văn phòng UBND thành phố
	$a = \text{Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu};$ $b = \text{Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu đã hoàn thành};$ $\text{Tỷ lệ hoàn thành} = b/a$ - Tỷ lệ hoàn thành từ 70% chỉ tiêu trở lên, tính điểm theo công thức: Tỷ lệ hoàn thành * Điểm tối đa. - Tỷ lệ hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu: 0 điểm.		
	<i>Ghi chú: Mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu được đánh giá gồm toàn bộ các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, giải ngân vốn đầu tư công được UBND thành phố giao tại Quyết định đầu năm.</i>		
3.2	Kết quả xếp loại chất lượng của đơn vị cấp dưới trực tiếp	1	Sở Nội vụ
	- 100% đơn vị được xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 01 điểm. - Có đơn vị được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng không có đơn vị nào bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0.5 điểm. - Có đơn vị bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.		
3.3	Kết quả rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách hoặc bất cập, chồng chéo của quy định pháp luật phát sinh trong quá trình quản lý trong các đợt rà soát chuyên đề theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền (mỗi nội dung tháo gỡ hoặc đề xuất tháo gỡ được 0.5 điểm, tối đa 01 điểm)	1	Sở Tư pháp
3.4	Không có chính sách, văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận là trái pháp luật (mỗi văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là trái pháp luật: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm)	1	Sở Tư pháp
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	7	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
4.1	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan	4	Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố
4.1.1	100% văn bản đề nghị góp ý dự thảo, cung cấp thông tin, hiệp y, cho ý kiến chuyên môn được phúc đáp kịp thời, chất lượng	1	
4.1.2	100% nhiệm vụ phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát của cấp trên được thực hiện đầy đủ, đúng thành phần, thời gian và đảm bảo chất lượng	1	
4.1.3	100% báo cáo chuyên đề, báo cáo phối hợp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chủ trì được gửi đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng	1	
4.1.4	100% nhiệm vụ yêu cầu phối hợp đột xuất khác (sự cố, thiên tai, cứu nạn...) được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả	1	
4.2	Thực hiện tốt vai trò thành viên phối hợp trong các tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định của UBND, Chủ tịch UBND thành phố (nếu có)	2	Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố
	<i>Thực hiện tốt vai trò thành viên phối hợp trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (nếu có) trên các nội dung sau:</i> - Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp, đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành theo triệu tập của cấp có thẩm quyền trong tổ chức; - Chấp hành nghiêm sự phân công nhiệm vụ của tổ chức; - Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp để đóng góp vào mục tiêu chung của tổ chức; - Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng 100% các phần việc, nhiệm vụ được phân công phụ trách; - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của tổ chức.		
4.3	Có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình điều phối đã được triển khai	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	8	
5.1	Kết quả thực hiện chuyển đổi số	4	
5.1.1	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử, ký số và luân chuyển khép kín trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.	1	Sở Nội vụ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
5.1.2	100% hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ điện tử theo đúng quy định (không in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy song song với hồ sơ điện tử, hồ sơ đã số hóa).	1	Sở Nội vụ
5.1.3	100% các nguồn dữ liệu chuyên ngành được chuẩn hóa, cập nhật liên tục vào hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ việc khai thác, chia sẻ mà không cần yêu cầu cung cấp bằng văn bản giấy	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5.1.4	100% nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống thông tin, hạ tầng số tại cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc, thông suốt, không để xảy ra sự gián đoạn công việc	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5.2	Kết quả đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp	2	Văn phòng UBND thành phố
	<i>Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt tại Quyết định ban hành Phương án đơn giản hóa TTHC của thành phố (01 kiến nghị: 01 điểm, 02 kiến nghị: 1.5 điểm, từ 03 kiến nghị trở lên: 02 điểm).</i>		
5.3	Có sáng kiến về chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp đã áp dụng hiệu quả	2	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ
	<i>Sáng kiến chỉ được tính điểm khi đã áp dụng hiệu quả trong thực tế (01 sáng kiến: 01 điểm, 02 sáng kiến: 1.5 điểm, từ 03 sáng kiến trở lên: 02 điểm)</i>		
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	4	
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hơn bằng hoặc cao hơn năm trước liền kề	2	Văn phòng UBND thành phố
6.2	Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân đối với cơ quan đạt 100% (<i>sử dụng kết quả điều tra khảo sát của Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh thành phố</i>)	2	Sở Nội vụ
7	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có)	7	Văn phòng UBND thành phố
7.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hơn	5	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- Từ 99% - 100%: 05 điểm. - Từ 95% - dưới 99%: 03 điểm. - Từ 85% - dưới 95%: 01 điểm. - Dưới 85%: 0 điểm.		
7.2	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến	2	
	a = Tổng số hồ sơ TTHC trong năm của cơ quan; b = Tổng số hồ sơ trực tuyến một phần; c = Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình; - Tỷ lệ = $(b+c)/a$ - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa Không tính các TTHC không có phát sinh hồ sơ trực tiếp		
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có).	3	Thanh tra thành phố
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số đơn thư phải giải quyết b là số đơn thư đã được giải quyết.		



Phụ lục III

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ; PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (CÓ GIẢI QUYẾT TTHC CHO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
A	TIÊU CHÍ CHUNG	30
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	11
1.1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2
	- Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: 02 điểm. - Mỗi lượt văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán về việc thực hiện chưa đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 01 điểm. - Có văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc chưa thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng: 0 điểm.	
1.2	Thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên	6
1.2.1	Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ với cấp trên	2
1.2.2	Thực hiện nghiêm chế độ hội họp, bảo đảm đúng thành phần, thời gian theo văn bản triệu tập của cấp trên	2
1.2.3	Chấp hành nghiêm mệnh lệnh hành chính; báo cáo, giải trình đầy đủ, kịp thời với lãnh đạo cơ quan, địa phương về những nội dung liên quan đến hoạt động của đơn vị khi có yêu cầu	2
1.3	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương	3
1.3.1	Chủ trì hoặc phối hợp kịp thời, chất lượng trong công tác tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch của cơ quan, địa phương (kế hoạch phát triển ngành/kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương giai đoạn và hằng năm, chương trình/kế hoạch công tác năm)	1
1.3.2	Chủ động thực hiện đạt kết quả các nhiệm vụ được giao tại các chương trình, kế hoạch của cơ quan, địa phương (không để cấp trên đôn đốc do chậm tiến độ)	2

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.	10
2.1	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm	3
2.1.1	Chủ trì hoặc phối hợp hiệu quả trong công tác tham mưu trình phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm công chức của cơ quan, địa phương theo quy định	1
2.1.2	Phân công, sử dụng công chức theo đúng vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1
2.1.3	100% công chức thuộc đơn vị được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (nếu chưa có kết quả xếp hạng năm đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề)	1
2.2	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực	2
2.2.1	Chủ động rà soát, đăng ký và tạo điều kiện để 100% công chức thuộc đơn vị tham gia đầy đủ, nghiêm túc ít nhất 01 khóa đào tạo/bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn hoặc kỹ năng mềm trong năm khi được triệu tập	1
2.2.2	Thực hiện đầy đủ quy định về công khai thông tin, những nội dung công chức được bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và những quy định liên quan	1
2.3	Hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ	2
	- Nội bộ đoàn kết, thống nhất, phối hợp hiệu quả trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ: 03 điểm. - Mỗi vụ việc phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo nội bộ đã cơ quan có thẩm quyền xác minh: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm. - Có văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền về việc mất đoàn kết nội bộ: 0 điểm.	
2.4	Mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức	3
	- 100% công chức công tác tại đơn vị chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và có tinh thần phục vụ tốt: 03 điểm. - Mỗi lượt công chức công tác tại đơn vị bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc mỗi lượt công chức bị phản ánh về tinh thần phục vụ đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận/xác minh là đúng: trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Có công chức công tác tại đơn vị bị kỷ luật ở mức cách chức, buộc thôi việc; hoặc có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc vụ việc vi phạm được cơ quan có thẩm quyền kết luận là gây hậu quả nghiêm trọng: 0 điểm.	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	9
3.1	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	3
	- Chủ trì hoặc phối hợp kịp thời, chất lượng trong công tác tham mưu thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, địa phương: 03 điểm. - Mỗi lượt tham mưu chậm trễ hoặc không bảo đảm chất lượng làm ảnh hưởng đến kết quả chung của cơ quan, địa phương: trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 2 điểm.	
3.2	Mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực	3
3.2.1	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy chế làm việc (nếu có), văn bản phân công nhiệm vụ của đơn vị khi có sự thay đổi về căn cứ pháp lý, nhân sự, yêu cầu nhiệm vụ quản lý điều hành nội bộ	1
3.2.2	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời quy trình nội bộ giải quyết TTHC khi có sự thay đổi về quy định TTHC của cơ quan có thẩm quyền	1
3.2.3	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến kịp thời Hệ thống quản lý chất lượng khi phát sinh điểm không phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia	1
3.3	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	3
	- Khắc phục đầy đủ, kịp thời những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra <u>hoặc</u> không có tồn tại, hạn chế qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán: 03 điểm. - Mỗi tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục trừ: 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Không tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc đã tổ chức thực hiện nhưng không có kết quả: 0 điểm.	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	<i>Ghi chú :</i> - Chỉ áp dụng đánh giá đối với các tồn tại, hạn chế yêu cầu thời hạn khắc phục nằm trong năm đánh giá (gồm tồn tại, hạn chế chưa khắc phục của năm trước chuyển sang và tồn tại, hạn chế phát sinh và phải khắc phục trong năm đánh giá). - Đối với các tồn tại, hạn chế tại các thông báo, kết luận ban hành trong năm đánh giá nhưng chưa hết thời hạn thực hiện sẽ chuyển sang theo dõi, chấm điểm vào kỳ đánh giá của năm kế tiếp.	
B	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật	8
1.1	Mức độ kịp thời trong công tác tham mưu cơ quan, địa phương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thành các văn bản hành chính hoặc văn bản quy phạm pháp luật	3
	- 100% văn bản được ban hành đúng thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: 03 điểm. - Mỗi văn bản ban hành chậm so với thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Chậm tham mưu ban hành văn bản thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tính chất trọng tâm: 0 điểm (việc xác định tính chất trọng tâm căn cứ trên danh mục nhiệm vụ trọng tâm được giao tại chương trình công tác năm hoặc các văn bản chỉ đạo trực tiếp của cấp có thẩm quyền)	
1.2	Chất lượng công tác tham mưu cơ quan, địa phương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thành các văn bản hành chính hoặc văn bản quy phạm pháp luật	3
	- Không có văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: 03 điểm. - Mỗi văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1,5 điểm.	
1.3	Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục trong công tác tham mưu cơ quan, địa phương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thành các văn bản hành chính hoặc văn bản quy phạm pháp luật	2
	- 100% văn bản được tham mưu đúng trình tự, thủ tục quy định: 02 điểm. - Mỗi lượt hồ sơ tham mưu bị trả lại do chưa thực đúng trình tự, thủ tục hoặc mỗi lượt chỉ ra của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra về việc chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	20
2.1	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ trong Chương trình công tác của cơ quan, địa phương	10
2.1.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.</i>	
2.1.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao trong chương trình công tác năm	3
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.	
2.2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ do cơ quan, địa phương giao phát sinh trong năm	10
2.2.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ giao phát sinh trong năm. b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả</i>	
2.2.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm	3

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.	
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	13
3.1	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm/chủ yếu được cơ quan, địa phương giao thực hiện trong năm	10
	$a =$ Tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; $b =$ Tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành; Tỷ lệ hoàn thành $= b/a$ - Tỷ lệ hoàn thành từ 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ trở lên, tính điểm theo công thức: Tỷ lệ hoàn thành * Điểm tối đa. - Tỷ lệ hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ: 0 điểm.	
	<u>Ghi chú</u> : Chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm/chủ yếu được đánh giá gồm toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, giải ngân vốn đầu tư công được giao thực hiện (nếu có).	
3.2	Kết quả xếp loại chất lượng của đơn vị cấp dưới trực tiếp (nếu có)	1

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	- 100% đơn vị được xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên <u>hoặc</u> không có đơn vị cấp dưới trực tiếp: 01 điểm. - Có đơn vị được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng không có đơn vị nào bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0.5 điểm. - Có đơn vị bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.	
3.3	Chủ động tham mưu cơ quan, địa phương kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách hoặc bất cập, chồng chéo của quy định pháp luật phát sinh trong quá trình quản lý (mỗi nội dung đề xuất tháo gỡ được 0.5 điểm, tối đa 01 điểm)	1
3.4	Không có văn bản do đơn vị ban hành hoặc tham mưu ban hành bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận là trái pháp luật (mỗi văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là trái pháp luật: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm)	1
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	7
4.1	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan	4
4.1.1	Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu cơ quan, địa phương ban hành kịp thời, chất lượng các văn bản góp ý dự thảo, cung cấp thông tin, hiệp y, cho ý kiến chuyên môn theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền	1
4.1.2	100% nhiệm vụ tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát <u>hoặc</u> phục vụ các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán cấp trên được thực hiện đầy đủ, đúng thành phần, thời gian và bảo đảm chất lượng	1
4.1.3	Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu cơ quan, địa phương ban hành kịp thời, chất lượng các báo cáo chuyên đề, báo cáo phối hợp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	1
4.1.4	100% nhiệm vụ phối hợp nội bộ giữa các đơn vị trong cùng cơ quan, địa phương được thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng	1
4.2	Tham mưu lãnh đạo cơ quan, địa phương thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện tốt vai trò trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành, Ban Chỉ huy, Ban Công tác hoặc các Tổ, Đội công tác) hoặc các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (Tổ giúp việc, Tổ thẩm định...)	2
4.2.1	Tham mưu lãnh đạo cơ quan, địa phương thực hiện tốt vai trò trong các tổ chức (người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, thành viên thường trực, thành viên phối hợp)	1

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
4.2.2	Trực tiếp thực hiện tốt vai trò trong các tổ chức (người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, thành viên thường trực, thành viên phối hợp)	1
	<u>Ghi chú chấm điểm tiêu chí 4.2.1 và 4.2.2 :</u> * Đối với vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, thành viên thường trực, phải thực hiện tốt các nội dung sau: - Ban hành đầy đủ Quy chế hoạt động, Kế hoạch công tác năm/giai đoạn của tổ chức; phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng thẩm quyền chuyên môn cho các thành viên; - Duy trì nghiêm chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất theo Quy chế; - Kịp thời đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên; - Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề phát sinh mang tính liên ngành, liên vùng thuộc phạm vi trách nhiệm của tổ chức. * Đối với vai trò thành viên phối hợp, phải thực hiện tốt các nội dung sau: - Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp, đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành theo triệu tập của cấp có thẩm quyền trong tổ chức; - Chấp hành nghiêm sự phân công nhiệm vụ của tổ chức; - Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp để đóng góp vào mục tiêu chung của tổ chức; - Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng 100% các phần việc, nhiệm vụ được phân công phụ trách; - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của tổ chức.	
4.3	Chủ trì đề xuất và triển khai ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp đổi mới hoặc mô hình cải tiến quy trình công việc, cơ chế phối hợp được cấp trên công nhận, áp dụng hiệu quả	1
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	8
5.1	Kết quả thực hiện chuyển đổi số	4
5.1.1	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử, ký số và luân chuyển khép kín trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.	1
5.1.2	100% hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ điện tử theo đúng quy định (không in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy song song với hồ sơ điện tử, hồ sơ đã số hóa).	1
5.1.3	100% dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách được số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung, bảo đảm phục vụ tốt việc khai thác, chia sẻ thông tin	1

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
5.1.4	Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, an ninh mạng; quản lý, bảo quản tốt thiết bị số được giao, không để xảy ra sự cố lộ lọt thông tin hoặc gián đoạn công việc do nguyên nhân chủ quan trong nội bộ đơn vị	1
5.2	Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt tại Quyết định ban hành Phương án đơn giản hóa TTHC của thành phố	2
5.3	Có sáng kiến về chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp đã áp dụng hiệu quả tại cơ quan, địa phương, đơn vị	2
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	4
6.1	Tỷ lệ nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng thời hạn bằng hoặc cao hơn năm trước liền kề (<i>trường hợp chưa có dữ liệu năm trước liền kề để so sánh thì tỷ lệ nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng thời hạn đạt từ 95% trở lên</i>)	1
6.2	Được cơ quan có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng chuyên đề, đột xuất về kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	1
6.3	Không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân về tinh thần, thái độ, năng lực của công chức, viên chức công tác tại đơn vị	1
6.4	Thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, địa phương, đơn vị; có giải pháp tiết kiệm văn phòng phẩm, điện, nước và các khoản chi thường xuyên khác	1
7	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có)	7
7.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hạn	5
	- Từ 99% - 100%: 05 điểm. - Từ 95% - dưới 99%: 03 điểm. - Từ 85% - dưới 95%: 01 điểm. - Dưới 85%: 0 điểm.	
7.2	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến	2
	a = Tổng số hồ sơ TTHC trong năm của đơn vị; b = Tổng số hồ sơ trực tuyến một phần; c = Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình; - Tỷ lệ = (b+c)/a - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa Không tính các TTHC không có phát sinh hồ sơ trực tiếp.	
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có).	3
	<i>Tham mưu giải quyết kịp thời, đúng quy định tất cả đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị được cấp trên phân công chủ trì, phối hợp giải quyết.</i>	



Phụ lục IV

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ; PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (KHÔNG GIẢI QUYẾT TTHC CHO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
A	TIÊU CHÍ CHUNG	30
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	11
1.1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2
	- Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: 02 điểm. - Mỗi lượt văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán về việc thực hiện chưa đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 01 điểm. - Có văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc chưa thực hiện nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng: 0 điểm.	
1.2	Thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên	6
1.2.1	Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ với cấp trên	2
1.2.2	Thực hiện nghiêm chế độ hội họp, bảo đảm đúng thành phần, thời gian theo văn bản triệu tập của cấp trên	2
1.2.3	Chấp hành nghiêm mệnh lệnh hành chính; báo cáo, giải trình đầy đủ, kịp thời với lãnh đạo cơ quan, địa phương về những nội dung liên quan đến hoạt động của đơn vị khi có yêu cầu	2
1.3	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương	3
1.3.1	Chủ trì hoặc phối hợp kịp thời, chất lượng trong công tác tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch của cơ quan, địa phương (kế hoạch phát triển ngành/kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương giai đoạn và hằng năm, chương trình/kế hoạch công tác năm)	1
1.3.2	Chủ động thực hiện đạt kết quả các nhiệm vụ được giao tại các chương trình, kế hoạch của cơ quan, địa phương (không để cấp trên đôn đốc do chậm tiến độ)	2

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.	10
2.1	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm	3
2.1.1	Chủ trì hoặc phối hợp hiệu quả trong công tác tham mưu trình phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm công chức của cơ quan, địa phương theo quy định	1
2.1.2	Phân công, sử dụng công chức theo đúng vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	1
2.1.3	100% công chức thuộc đơn vị được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (nếu chưa có kết quả xếp hạng năm đánh giá thì lấy kết quả của năm trước liền kề)	1
2.2	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực	2
2.2.1	Chủ động rà soát, đăng ký và tạo điều kiện để 100% công chức thuộc đơn vị tham gia đầy đủ, nghiêm túc ít nhất 01 khóa đào tạo/bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn hoặc kỹ năng mềm trong năm khi được triệu tập	1
2.2.2	Thực hiện đầy đủ quy định về công khai thông tin, những nội dung công chức được bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và những quy định liên quan	1
2.3	Hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ	2
	- Nội bộ đoàn kết, thống nhất, phối hợp hiệu quả trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ: 03 điểm. - Mỗi vụ việc phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo nội bộ đã cơ quan có thẩm quyền xác minh: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm. - Có văn bản kết luận, phê bình của cơ quan có thẩm quyền về việc mất đoàn kết nội bộ: 0 điểm.	
2.4	Mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức	3
	- 100% công chức công tác tại đơn vị chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và có tinh thần phục vụ tốt: 03 điểm. - Mỗi lượt công chức công tác tại đơn vị bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc mỗi lượt công chức bị phản ánh về tinh thần phục vụ đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận/xác minh là đúng: trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Có công chức công tác tại đơn vị bị kỷ luật ở mức cách chức, buộc thôi việc; hoặc có hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc vụ việc vi phạm được cơ quan có thẩm quyền kết luận là gây hậu quả nghiêm trọng: 0 điểm.	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	9
3.1	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	3
	- Chủ trì hoặc phối hợp kịp thời, chất lượng trong công tác tham mưu thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, địa phương: 03 điểm. - Mỗi lượt tham mưu chậm trễ hoặc không bảo đảm chất lượng làm ảnh hưởng đến kết quả chung của cơ quan, địa phương: trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 2 điểm.	
3.2	Mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực	3
3.2.1	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy chế làm việc (nếu có), văn bản phân công nhiệm vụ của đơn vị khi có sự thay đổi về căn cứ pháp lý, nhân sự, yêu cầu nhiệm vụ quản lý điều hành nội bộ	1
3.2.2	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, cải tiến kịp thời Hệ thống quản lý chất lượng khi phát sinh điểm không phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia	2
3.3	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	3
	- Khắc phục đầy đủ, kịp thời những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra <u>hoặc</u> không có tồn tại, hạn chế qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán: 03 điểm. - Mỗi tồn tại, hạn chế chưa được khắc phục trừ: 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Không tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hoặc đã tổ chức thực hiện nhưng không có kết quả: 0 điểm.	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	<u>Ghi chú :</u> - Chỉ áp dụng đánh giá đối với các tồn tại, hạn chế yêu cầu thời hạn khắc phục nằm trong năm đánh giá (gồm tồn tại, hạn chế chưa khắc phục của năm trước chuyển sang và tồn tại, hạn chế phát sinh và phải khắc phục trong năm đánh giá). - Đối với các tồn tại, hạn chế tại các thông báo, kết luận ban hành trong năm đánh giá nhưng chưa hết thời hạn thực hiện sẽ chuyển sang theo dõi, chấm điểm vào kỳ đánh giá của năm kế tiếp.	
B	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật	8
1.1	Mức độ kịp thời trong công tác tham mưu cơ quan, địa phương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thành các văn bản hành chính hoặc văn bản quy phạm pháp luật	3
	- 100% văn bản được ban hành đúng thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: 03 điểm. - Mỗi văn bản ban hành chậm so với thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Chậm tham mưu ban hành văn bản thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tính chất trọng tâm: 0 điểm (việc xác định tính chất trọng tâm căn cứ trên danh mục nhiệm vụ trọng tâm được giao tại chương trình công tác năm hoặc các văn bản chỉ đạo trực tiếp của cấp có thẩm quyền)	
1.2	Chất lượng công tác tham mưu cơ quan, địa phương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thành các văn bản hành chính hoặc văn bản quy phạm pháp luật	3
	- Không có văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đình chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: 03 điểm. - Mỗi văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đình chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1,5 điểm.	
1.3	Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục trong công tác tham mưu cơ quan, địa phương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, quy định của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thành các văn bản hành chính hoặc văn bản quy phạm pháp luật	2
	- 100% văn bản được tham mưu đúng trình tự, thủ tục quy định: 02 điểm. - Mỗi lượt hồ sơ tham mưu bị trả lại do chưa thực đúng trình tự, thủ tục hoặc mỗi lượt chỉ ra của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra về việc chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	25
2.1	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ trong Chương trình công tác của cơ quan, địa phương	15
2.1.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	10
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.</i>	
2.1.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao trong chương trình công tác năm	5
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.	
2.2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ do cơ quan, địa phương giao phát sinh trong năm	10
2.2.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ giao phát sinh trong năm. b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả</i>	
2.2.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm	3

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.	
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	13
3.1	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm/chủ yếu được cơ quan, địa phương giao thực hiện trong năm	10
	$a =$ Tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; $b =$ Tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành; Tỷ lệ hoàn thành $= b/a$ - Tỷ lệ hoàn thành từ 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ trở lên, tính điểm theo công thức: Tỷ lệ hoàn thành * Điểm tối đa. - Tỷ lệ hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu, nhiệm vụ: 0 điểm.	
	<u>Ghi chú</u> : Chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm/chủ yếu được đánh giá gồm toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, giải ngân vốn đầu tư công được giao thực hiện (nếu có).	
3.2	Kết quả xếp loại chất lượng của đơn vị cấp dưới trực tiếp (nếu có)	1

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	- 100% đơn vị được xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên <u>hoặc</u> không có đơn vị cấp dưới trực tiếp: 01 điểm. - Có đơn vị được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng không có đơn vị nào bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0.5 điểm. - Có đơn vị bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.	
3.3	Chủ động tham mưu cơ quan, địa phương kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách hoặc bất cập, chồng chéo của quy định pháp luật phát sinh trong quá trình quản lý (mỗi nội dung đề xuất tháo gỡ được 0.5 điểm, tối đa 01 điểm)	1
3.4	Không có văn bản do đơn vị ban hành hoặc tham mưu ban hành bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận là trái pháp luật (mỗi văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là trái pháp luật: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm)	1
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	7
4.1	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan	4
4.1.1	Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu cơ quan, địa phương ban hành kịp thời, chất lượng các văn bản góp ý dự thảo, cung cấp thông tin, hiệp y, cho ý kiến chuyên môn theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền	1
4.1.2	100% nhiệm vụ tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát <u>hoặc</u> phục vụ các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán cấp trên được thực hiện đầy đủ, đúng thành phần, thời gian và bảo đảm chất lượng	1
4.1.3	Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu cơ quan, địa phương ban hành kịp thời, chất lượng các báo cáo chuyên đề, báo cáo phối hợp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	1
4.1.4	100% nhiệm vụ phối hợp nội bộ giữa các đơn vị trong cùng cơ quan, địa phương được thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng	1
4.2	Tham mưu lãnh đạo cơ quan, địa phương thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện tốt vai trò trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành, Ban Chỉ huy, Ban Công tác hoặc các Tổ, Đội công tác) hoặc các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (Tổ giúp việc, Tổ thẩm định...)	2
4.2.1	Tham mưu lãnh đạo cơ quan, địa phương thực hiện tốt vai trò trong các tổ chức (người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, thành viên thường trực, thành viên phối hợp)	1

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
4.2.2	Trực tiếp thực hiện tốt vai trò trong các tổ chức (người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, thành viên thường trực, thành viên phối hợp)	1
	<i>Ghi chú chấm điểm tiêu chí 4.2.1 và 4.2.2 :</i> <i>* Đối với vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, thành viên thường trực, phải thực hiện tốt các nội dung sau:</i> - Ban hành đầy đủ Quy chế hoạt động, Kế hoạch công tác năm/giai đoạn của tổ chức; phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng thẩm quyền chuyên môn cho các thành viên; - Duy trì nghiêm chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất theo Quy chế; - Kịp thời đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên; - Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề phát sinh mang tính liên ngành, liên vùng thuộc phạm vi trách nhiệm của tổ chức. <i>* Đối với vai trò thành viên phối hợp, phải thực hiện tốt các nội dung sau:</i> - Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp, đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành theo triệu tập của cấp có thẩm quyền trong tổ chức; - Chấp hành nghiêm sự phân công nhiệm vụ của tổ chức; - Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp để đóng góp vào mục tiêu chung của tổ chức; - Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng 100% các phần việc, nhiệm vụ được phân công phụ trách; - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của tổ chức.	
4.3	Chủ trì đề xuất và triển khai ít nhất 01 sáng kiến, giải pháp đổi mới hoặc mô hình cải tiến quy trình công việc, cơ chế phối hợp được cấp trên công nhận, áp dụng hiệu quả	1
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	8
5.1	Kết quả thực hiện chuyển đổi số	4
5.1.1	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử, ký số và luân chuyển khép kín trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.	1
5.1.2	100% hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ điện tử theo đúng quy định (không in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy song song với hồ sơ điện tử, hồ sơ đã số hóa).	1
5.1.3	100% dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách được số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung, bảo đảm phục vụ tốt việc khai thác, chia sẻ thông tin	1

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
5.1.4	Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, an ninh mạng; quản lý, bảo quản tốt thiết bị số được giao, không để xảy ra sự cố lộ lọt thông tin hoặc gián đoạn công việc do nguyên nhân chủ quan trong nội bộ đơn vị	1
5.2	Có kiến nghị đơn giản hóa quy trình nội bộ được cơ quan, địa phương phê duyệt, áp dụng	2
5.3	Có sáng kiến về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chuyên môn đã áp dụng hiệu quả tại cơ quan, địa phương, đơn vị	2
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	6
6.1	Tỷ lệ nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng thời hạn bằng hoặc cao hơn năm trước liền kề (<i>trường hợp đơn vị mới thành lập chưa có dữ liệu năm trước liền kề để so sánh thì tỷ lệ nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng thời hạn đạt từ 95% trở lên</i>)	2
6.2	Được cơ quan có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng chuyên đề, đột xuất về kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	2
6.3	Không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân về tinh thần, thái độ, năng lực của công chức, viên chức công tác tại đơn vị	1
6.4	Thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, địa phương, đơn vị; có giải pháp tiết kiệm văn phòng phẩm, điện, nước và các khoản chi thường xuyên khác	1
7	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có).	3
	<i>Tham mưu giải quyết kịp thời, đúng quy định tất cả đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị được cấp trên phân công chủ trì, phối hợp giải quyết.</i>	



Phụ lục V

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND THÀNH PHỐ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~10~~ 2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
A	TIÊU CHÍ CHUNG	30	Lấy ý kiến Đảng ủy UBND thành phố
1	Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; củng cố hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	9	
1.1	Lãnh đạo, chỉ đạo công tác quán triệt, học tập, triển khai thực hiện, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Thành ủy về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.	1	
1.2	Lãnh đạo thực hiện hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng; kịp thời chỉ đạo, định hướng công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân; thực hiện tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.	1	
1.3	Lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dân vận của hệ thống chính trị; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; nắm kịp thời tình hình dư luận trong đoàn viên, hội viên và nhân dân.	1	
1.4	Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp, phân công cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.	1	
1.5	Phối hợp với cấp ủy cùng cấp kịp thời kiện toàn, củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền.	1	
1.6	Đổi mới phương thức lãnh đạo của cơ quan, đơn vị; tham mưu hiệu quả cho UBND thành phố và cấp có thẩm quyền về các mặt công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	1	
1.7	Quan tâm công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác cán bộ (quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá, chế độ chính sách...) đúng quy định, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.	1	
1.8	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả quy định về kiểm soát quyền lực, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	1	
1.9	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ trong cơ quan, đơn vị.	1	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
2	Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp công tác; hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong cơ quan, đơn vị; xây dựng đoàn kết nội bộ	7	
2.1	Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo (nghị quyết, kết luận, chương trình công tác toàn khóa, hằng năm, chuyên đề...) bảo đảm tính định hướng, trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi cao, phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố và cơ quan, đơn vị. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.	1	
2.2	Phân công, giao nhiệm vụ trong tập thể lãnh đạo cơ quan cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm; quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc, thông suốt, không chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ; phát huy hiệu quả trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, điều hành.	1	
2.3	Chủ động nắm bắt tình hình, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong cơ quan, đơn vị; tham mưu, đề xuất UBND thành phố và cấp có thẩm quyền giải pháp xử lý kịp thời.	1	
2.4	Phối hợp xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp vững mạnh, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ.	1	
2.5	Thực hiện tốt việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác.	1	
2.6	Tập thể lãnh đạo thực hiện tốt quy định về trách nhiệm nêu gương; thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng thẩm quyền về trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu thuộc phạm vi giải trình theo quy định (nếu có)	1	
2.7	Tập thể lãnh đạo, quản lý đoàn kết, thống nhất, dân chủ, không để xảy ra biểu hiện mất đoàn kết, bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm.	1	
3	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kỷ luật; kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực	3	
3.1	Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác kỷ luật thuộc thẩm quyền đúng quy trình, kịp thời, nghiêm minh; Không có thành viên tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật trong năm 2025	1	
3.2	Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực được giao phụ trách; không để xảy ra sai phạm hoặc khiếu kiện kéo dài, nếu có phải được xử lý dứt điểm, đúng quy định của pháp luật.	1	
3.3	Thực hiện tốt công tác kiểm soát quyền lực, kê khai và công khai tài sản, phòng, chống chạy chức, chạy quyền, lợi ích nhóm; không có các vụ án, vụ việc chạy chức, chạy quyền, lợi ích nhóm liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.	1	
4	Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chấp hành quy chế làm việc, điều hành khoa học, dân chủ, kỷ cương	6	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
4.1	Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt tập thể lãnh đạo, quản lý; đảm bảo dân chủ, kỷ cương, đoàn kết; mọi quyết định thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị đều được thảo luận dân chủ trước khi quyết định.	1	
4.2	Lãnh đạo thực hiện nghiêm quy chế dân chủ trong cơ quan; xây dựng cơ quan đạt chuẩn “Cơ quan văn hoá”.	1	
4.3	Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, bổ sung, sửa đổi, ban hành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị bảo đảm kịp thời, đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn.	1	
4.4	Duy trì nghiêm túc chế độ hội họp, báo cáo, thông tin, thống kê đúng quy định; không có vi phạm quy trình lãnh đạo, chỉ đạo.	1	
4.5	Lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, tác phong, lễ lối làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý. Không có cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị bị cấp có thẩm quyền kết luận vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính, tác phong, lễ lối làm việc.	1	
4.6	Lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm việc thực hiện các quy định của Trung ương và của thành phố về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Không có cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị bị cấp có thẩm quyền kết luận vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống, pháp luật Nhà nước, các tệ nạn xã hội, vi phạm các quy định của địa phương nơi cư trú, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.	1	
5	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số, đổi mới phương thức lãnh đạo	2	
5.1	Triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý và thực thi công vụ đảm bảo hiệu quả, đồng bộ, liên thông.	1	
5.3	Quan tâm đổi mới phương pháp làm việc, phát huy công nghệ thông tin, xây dựng văn hóa công vụ, văn minh trong giao tiếp, ứng xử.	1	
6	Tinh thần tự phê bình, phê bình; kết quả khắc phục hạn chế, khuyết điểm	3	
6.1	Xây dựng Báo cáo kiểm điểm tập thể lãnh đạo bảo đảm chất lượng, trung thực, thẳng thắn; nhận diện đầy đủ những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm; trách nhiệm của tập thể, cá nhân và có giải pháp thực hiện phù hợp, hiệu quả.	1	
6.2	Có giải pháp khắc phục hạn chế, khuyết điểm kịp thời, đầy đủ, toàn diện	1	
6.3	Khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra ở năm trước, kỳ kiểm điểm trước theo đúng lộ trình (nếu có)	1	
B	TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70	
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật	8	Sở Tư pháp
1.1	Mức độ kịp thời trong công tác tham mưu HĐND thành phố, UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- 100% văn bản được ban hành đúng thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: 03 điểm. - Mỗi văn bản ban hành chậm so với thời hạn theo quy định hoặc theo chương trình, kế hoạch: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1.5 điểm. - Chậm tham mưu ban hành văn bản thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có tính chất trọng tâm: 0 điểm (việc xác định tính chất trọng tâm căn cứ trên danh mục nhiệm vụ trọng tâm được giao tại chương trình công tác năm hoặc các văn bản chỉ đạo trực tiếp của cấp có thẩm quyền)		
1.2	Chất lượng công tác tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	3	
	- Không có văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: 03 điểm. - Mỗi văn bản bị bãi bỏ, hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, đính chính do lỗi chủ quan trong vòng 12 tháng kể từ khi ban hành: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1,5 điểm.		
1.3	Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục trong công tác tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2	
	- 100% văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định: 02 điểm. - Mỗi lượt hồ sơ trình bị trả lại do chưa thực đúng trình tự, thủ tục hoặc mỗi lượt chỉ ra của cơ quan có thẩm quyền/đoàn kiểm tra về việc chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm		
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	25	Văn phòng UBND thành phố
2.1	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ trong Chương trình công tác của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố	15	
2.1.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	10	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.		
2.1.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao trong chương trình công tác năm	5	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.		
2.2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ do UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao phát sinh trong năm	10	
2.2.1	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành	7	
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ giao phát sinh trong năm. b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng và trước thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả		
2.2.2	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành vượt mức yêu cầu so với tổng số nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm	3	
	- Từ 30% trở lên: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 08 điểm. - Từ 10% đến dưới 20%: 05 điểm. - Từ 5% đến dưới 10%: 02 điểm. - Dưới 5%: 0 điểm. Nhiệm vụ được xem là hoàn thành vượt mức yêu cầu khi đảm bảo các điều kiện sau: (1) Điều kiện cần: Hoàn thành đúng thời hạn trở lên, bảo đảm chất lượng, hiệu quả (2) Điều kiện đủ: Đạt được ít nhất một trong các kết quả sau: + Hoàn thành vượt tiến độ; + Hoàn thành vượt sản lượng, quy mô được giao (nếu có); + Hoàn thành với chi phí thực tế thấp hơn so với dự toán được duyệt do tiết kiệm hoặc có giải pháp đổi mới, cải tiến quy trình.		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	8	
3.1	Kết quả hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu	5	Văn phòng UBND thành phố
	$a = \text{Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu};$ $b = \text{Tổng số mục tiêu, chỉ tiêu đã hoàn thành};$ $\text{Tỷ lệ hoàn thành} = b/a$ - Tỷ lệ hoàn thành từ 70% chỉ tiêu trở lên, tính điểm theo công thức: Tỷ lệ hoàn thành * Điểm tối đa. - Tỷ lệ hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu: 0 điểm.		
	<i>Ghi chú: Mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu được đánh giá gồm toàn bộ các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm/chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, giải ngân vốn đầu tư công được UBND thành phố giao tại Quyết định đầu năm (nếu có).</i>		
3.2	Kết quả xếp loại chất lượng của đơn vị cấp dưới trực tiếp	1	Sở Nội vụ
	- 100% đơn vị được xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 01 điểm. - Có đơn vị được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng không có đơn vị nào bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: 0.5 điểm. - Có đơn vị bị xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm.		
3.3	Kết quả rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách hoặc bất cập, chồng chéo của quy định pháp luật phát sinh trong quá trình quản lý trong các đợt rà soát chuyên đề theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền (mỗi đề xuất tháo gỡ được 0.5 điểm, tối đa 01 điểm)	1	Sở Tư pháp
3.4	Không có chính sách, văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kết luận là trái pháp luật (mỗi văn bản bị cơ quan có thẩm quyền kết luận là trái pháp luật: trừ 0.2 điểm, trừ tối đa 1 điểm)	1	Sở Tư pháp
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	7	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
4.1	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan	4	Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố
4.1.1	100% văn bản đề nghị góp ý dự thảo, cung cấp thông tin, hiệp y, cho ý kiến chuyên môn được phúc đáp kịp thời, chất lượng	1	
4.1.2	100% nhiệm vụ tham gia đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành được thực hiện đầy đủ, đúng thành phần, thời gian, chất lượng	1	
4.1.3	100% báo cáo chuyên đề, báo cáo phối hợp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chủ trì được gửi đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng	1	
4.1.4	100% nhiệm vụ yêu cầu phối hợp đột xuất khác (sự cố, thiên tai, cứu nạn...) được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả	1	
4.2	Thực hiện tốt vai trò thành viên trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND, Chủ tịch UBND thành phố (Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành, Ban Chỉ huy, Ban Công tác hoặc các Tổ, Đội công tác)	2	
4.2.1	Vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, cơ quan (thành viên) thường trực	1	Sở Nội vụ
	Để đạt điểm tối đa ở tiêu chí này, cơ quan cần phải thực hiện tốt vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, cơ quan (thành viên) thường trực trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (nếu có) trên các nội dung sau: - Tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền Quy chế hoạt động, Kế hoạch công tác năm/giai đoạn của tổ chức; phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng thẩm quyền chuyên môn cho các thành viên; - Duy trì nghiêm chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất theo Quy chế; - Kịp thời đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên; - Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề phát sinh mang tính liên ngành, liên vùng thuộc phạm vi trách nhiệm của tổ chức.		
4.2.2	Vai trò thành viên phối hợp	1	Lấy ý kiến các sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	Để đạt điểm tối đa ở tiêu chí này, cơ quan cần phải thực hiện tốt vai trò thành viên phối hợp trong các tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên vùng (nếu có) trên các nội dung sau: - Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp, đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành theo triệu tập của cấp có thẩm quyền trong tổ chức; - Chấp hành nghiêm sự phân công nhiệm vụ của tổ chức; - Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp để đóng góp vào mục tiêu chung của tổ chức; - Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng 100% các phần việc, nhiệm vụ được phân công phụ trách; - Thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của tổ chức.		
4.3	Có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình điều phối đã được triển khai	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	8	
5.1	Kết quả thực hiện chuyển đổi số	4	
5.1.1	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng văn bản điện tử, ký số và luân chuyển khép kín trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.	1	Sở Nội vụ
5.1.2	100% hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý và lưu trữ điện tử theo đúng quy định (không in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy song song với hồ sơ điện tử, hồ sơ đã số hóa).	1	Sở Nội vụ
5.1.3	100% các nguồn dữ liệu chuyên ngành được chuẩn hóa, cập nhật liên tục vào hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ việc khai thác, chia sẻ mà không cần yêu cầu cung cấp bằng văn bản giấy	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5.1.4	100% nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống thông tin, hạ tầng số tại cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc, thông suốt, không để xảy ra sự gián đoạn công việc	1	Sở Khoa học và Công nghệ
5.2	Kết quả đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp	2	Văn phòng UBND thành phố
	Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt tại Quyết định ban hành Phương án đơn giản hóa TTHC của thành phố (01 kiến nghị: 01 điểm, 02 kiến nghị: 1.5 điểm, từ 03 kiến nghị trở lên: 02 điểm).		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
5.3	Có sáng kiến về chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp đã áp dụng hiệu quả	2	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ
	<i>Sáng kiến chỉ được tính điểm khi đã áp dụng hiệu quả trong thực tế (01 sáng kiến: 01 điểm, 02 sáng kiến: 1.5 điểm, từ 03 sáng kiến trở lên: 02 điểm)</i>		
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	4	
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hơn bằng hoặc cao hơn năm trước liền kề	2	Văn phòng UBND thành phố
6.2	Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân đối với cơ quan đạt 100% (<i>sử dụng kết quả điều tra khảo sát của Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh thành phố</i>)	2	Sở Nội vụ
7	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có)	7	Văn phòng UBND thành phố
7.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng và sớm hơn	5	
	- Từ 99% - 100%: 05 điểm. - Từ 95% - dưới 99%: 03 điểm. - Từ 85% - dưới 95%: 01 điểm. - Dưới 85%: 0 điểm.		
7.2	Tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến	2	
	a = Tổng số hồ sơ TTHC trong năm của cơ quan; b = Tổng số hồ sơ trực tuyến một phần; c = Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình; - Tỷ lệ = (b+c)/a - Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa Không tính các TTHC không có phát sinh hồ sơ trực tiếp		
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có).	3	Thanh tra thành phố

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Cơ quan theo dõi, thẩm định kết quả tự đánh giá
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số đơn thư phải giải quyết b là số đơn thư đã được giải quyết.		